

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2017/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 21 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 64/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định 93/2014/NĐ-CP 17/10/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông

tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 01 năm 2018 và thay thế Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 05/10/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy trình về quản lý các đề tài, dự án khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Kim Ngọc Thái

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng
ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND
ngày 21/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định các hoạt động: Tổ chức xác định nhiệm vụ; tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định dự toán kinh phí, phê duyệt, ký hợp đồng; kiểm tra; điều chỉnh hợp đồng; đánh giá và nghiệm thu; đăng ký, lưu giữ, công nhận kết quả; quản lý, xử lý tài sản; triển khai ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (gọi tắt là nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh).

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được điều chỉnh bởi Quy định này bao gồm:

- a) Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
- b) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh;
- c) Đề án khoa học cấp tỉnh;
- d) Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh liên quan đến bí mật quốc gia không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có liên quan đến hoạt động quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 3. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có tính cấp thiết cao hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội,

an ninh quốc phòng trong phạm vi toàn tỉnh;

- Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện;

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến: Đáp ứng cao tính ứng dụng trong thực tiễn và được áp dụng ngay vào trong quá trình sản xuất thực tế. Tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng ở tỉnh; được hoàn thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm;

- Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

b) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn:

- Có tính cấp thiết cao hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trong phạm vi toàn tỉnh;

- Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện;

- Kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

c) Đối với đề tài trong các lĩnh vực khác:

- Có tính cấp thiết cao hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trong phạm vi toàn tỉnh;

- Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện;

- Sản phẩm khoa học và công nghệ đảm bảo tính mới, có ý nghĩa đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội của tỉnh.

2. Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh:

a) Có tính cấp thiết cao hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trong phạm vi toàn tỉnh;

b) Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện;

c) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ có khả năng ứng dụng hoặc có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích;

d) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản

phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt;

e) Có khả năng huy động được nguồn kinh phí từ các doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.

3. Đề án khoa học cấp tỉnh: Kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

4. Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của tỉnh hoặc để tạo ra sản phẩm phải có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu;

b) Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có khả năng lan tỏa hoặc có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực;

c) Có phương án huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách.

Điều 4. Công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh bao gồm: Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đưa ra tuyển chọn, giao trực tiếp, kết quả trúng tuyển, đang tiến hành, kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh.

Điều 5. Kinh phí quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, bao gồm:

- a) Ngân sách Trung ương;
- b) Ngân sách địa phương;
- c) Nguồn vốn hỗ trợ hợp pháp khác.

Điều 6. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Lập dự toán kinh phí: Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ dự toán nguồn vốn ngân sách địa phương gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán ngân sách để triển khai thực hiện.

2. Quản lý, sử dụng kinh phí:

- Định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ

khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thực hiện theo quy định hiện hành;

- Đối với khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Quyết toán kinh phí: Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Chương II

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 7. Thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp tỉnh (gọi tắt là Hội đồng tư vấn) có nhiệm vụ tư vấn trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện và đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn phù hợp với lĩnh vực hoặc nội dung chuyên ngành của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả hoạt động của Hội đồng tư vấn.

Điều 8. Thành phần Hội đồng tư vấn

1. Tiêu chuẩn và thành phần Hội đồng tư vấn bao gồm:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng là nhà khoa học có chuyên môn, am hiểu và có nhiều đóng góp thuộc lĩnh vực nghiên cứu hoặc là cán bộ lãnh đạo, quản lý chuyên ngành khoa học và công nghệ;

b) Ủy viên phản biện là chuyên gia khoa học và công nghệ có chuyên môn, am hiểu và có nhiều đóng góp trong lĩnh vực nghiên cứu;

c) Các ủy viên Hội đồng là người làm công tác quản lý khoa học và công nghệ, công tác chuyên môn về khoa học thuộc cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sản xuất, kinh doanh và các tổ chức khác liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu;

2. Hội đồng tư vấn có từ 07 đến 09 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên hội đồng (trong đó có 01 ủy viên làm thư ký khoa học).

3. Các chuyên gia, các ủy viên phản biện đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu.

4. Cơ cấu Hội đồng tư vấn gồm:

a) Có ít nhất 50% thành viên là các chuyên gia khoa học có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

b) Có không quá 50% thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sản xuất - kinh doanh và các tổ chức khác có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu.

5. Tùy tính chất của từng loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ được quyền mời thêm các cá nhân có liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh làm khách mời để tham gia họp Hội đồng tư vấn.

Điều 9. Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Hội đồng tư vấn

1. Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp, chuẩn bị các ý kiến tư vấn và gửi phiếu nhận xét đến Sở Khoa học và Công nghệ trong phiên họp Hội đồng tư vấn.

2. Đánh giá một cách trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về các ý kiến tư vấn của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng tư vấn.

3. Các thành viên Hội đồng tư vấn có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình tư vấn, không được cung cấp thông tin về kết quả tư vấn trước khi công bố chính thức, không được sử dụng kết quả tư vấn trái quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

4. Được quyền yêu cầu Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ cho việc tư vấn.

5. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn và thư ký khoa học ngoài trách nhiệm và quyền hạn của thành viên Hội đồng tư vấn nêu tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này còn có trách nhiệm sau:

a) Chủ tịch Hội đồng tư vấn phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thời gian họp và chủ trì các phiên họp Hội đồng tư vấn;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn điều hành phiên họp Hội đồng tư vấn trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt;

c) Thư ký khoa học giúp Chủ tịch Hội đồng tư vấn ghi chép các ý kiến thảo luận tại các phiên họp, xây dựng và hoàn thiện biên bản theo ý kiến kết luận của chủ trì phiên họp Hội đồng tư vấn.

Điều 10. Phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn

1. Tài liệu được gửi đến các thành viên Hội đồng tư vấn ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp Hội đồng.

2. Phiên họp của Hội đồng tư vấn phải có mặt ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tư vấn, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và ít nhất 01 ủy viên phản biện. Ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo.

3. Ý kiến của các thành viên Hội đồng tư vấn và kiến nghị của Hội đồng tư vấn phải được lập thành văn bản; các ý kiến kết luận của Hội đồng tư vấn được thông qua khi có trên 3/4 số thành viên của Hội đồng tư vấn có mặt nhất trí.

4. Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học của Hội đồng tư vấn hoặc chủ trì phiên họp tổng hợp để Hội đồng tư vấn thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên Hội đồng tư vấn có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Hội đồng tư vấn.

5. Sở Khoa học và Công nghệ cử 01 chuyên viên làm thư ký hành chính để chuẩn bị đầy đủ tài liệu và các điều kiện cần thiết theo quy định phục vụ các phiên họp của Hội đồng tư vấn.

6. Kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn là Biên bản làm việc ghi đầy đủ, chi tiết nội dung, tiến trình và kết luận cuộc họp, kèm những kiến nghị theo quy định.

7. Sở Khoa học và Công nghệ ban hành quy chế làm việc của Hội đồng tư vấn theo quy định và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương III

LẤY Ý KIẾN TƯ VẤN ĐỘC LẬP

Điều 11. Tư vấn độc lập

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến và xem xét quyết định việc lựa chọn chuyên gia tư vấn độc lập khi cần thiết. Ý kiến của các chuyên gia tư vấn độc lập là căn cứ bổ sung để Sở Khoa học và Công nghệ đưa ra các kết luận cuối cùng.

2. Chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Không phải là thành viên Hội đồng tư vấn; không thuộc tổ chức chủ trì; không là cha đẻ, mẹ đẻ, anh, chị em ruột, con đẻ của chủ nhiệm hoặc người tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

b) Là nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao (học vị tiến sĩ hoặc chức danh khoa học phó giáo sư trở lên, ưu tiên nhà khoa học đầu ngành), phù hợp với nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần đánh giá, có thành tích nghiên cứu xuất sắc, thể hiện qua các kết quả nghiên cứu được công bố trong 05 năm gần nhất.

3. Chuyên gia tư vấn độc lập có trách nhiệm sau:

a) Hoàn thành báo cáo tư vấn, giữ bí mật thông tin đánh giá và gửi trực tiếp đến Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trong phong bì có niêm phong;

b) Trong thời hạn được mời tư vấn độc lập không được tiếp xúc hoặc trao đổi thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được mời tư vấn với tổ chức chủ trì hoặc cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Nếu vi phạm sẽ bị hủy bỏ kết quả tư vấn và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Thủ tục lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chuẩn bị và gửi các tài liệu sau đây tới chuyên gia tư vấn độc lập:

1. Công văn của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ mời chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.
2. Các tài liệu chứa đựng đầy đủ thông tin để đưa ra ý kiến tư vấn độc lập.
3. Hai (02) phong bì dán sẵn tem bưu điện và ghi rõ tên, địa chỉ người nhận là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương IV**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG, XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẶT HÀNG CẤP TỈNH****Điều 13. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

1. Căn cứ đề xuất đặt hàng:

a) Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương;

b) Chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 05 năm hoặc 10 năm của tỉnh;

c) Những vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết những nhiệm vụ của tỉnh về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ hoặc các nhiệm vụ đặc biệt phát sinh theo yêu cầu của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Việc xác định đề xuất đặt hàng và phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh phải phù hợp với định hướng, tiến độ xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm do Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện.

Điều 14. Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh

1. Căn cứ tiến độ thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm hoặc theo tính cấp thiết, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của tỉnh và thời hạn gửi đề xuất đặt hàng.

Biểu mẫu đề xuất đặt hàng thực hiện theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất đặt hàng của các tổ chức, cá nhân và tự đề xuất theo những căn cứ quy định ở Điều 13 của Quy định này.

3. Đối với các đề xuất đặt hàng đáp ứng yêu cầu đặt hàng, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Hội đồng tư vấn để xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho từng đề xuất đặt hàng.

4. Hội đồng tư vấn có thể tư vấn cho một hoặc một số đề xuất đặt hàng trong cùng lĩnh vực hoặc chuyên ngành khoa học và công nghệ.

5. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng tư vấn, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh. Trường hợp cần thiết Sở Khoa học và Công nghệ có thể lấy ý kiến chuyên gia độc lập trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

7. Khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh được phê duyệt để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện và những đề xuất đặt hàng không được phê duyệt trên Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh để các tổ chức và cá nhân biết.

8. Cuối quý II của năm trước năm kế hoạch, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Tùy theo tình hình, yêu cầu cần giải quyết những vấn đề cấp thiết phát sinh của địa phương, trên cơ sở thống nhất ý kiến của các thành viên Hội đồng tư vấn, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục bổ sung nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vào đầu quý III hàng năm.

9. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đột xuất phục vụ tình huống cấp bách do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao, các đơn vị được giao nhiệm vụ gửi hồ sơ đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (văn bản giao nhiệm vụ, công văn đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tổ chức chủ trì, thuyết minh nhiệm vụ) về Sở Khoa học và Công nghệ để triển khai thực hiện theo phương thức giao trực tiếp. Quy trình phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đột xuất được tiến hành ngay khi có yêu cầu. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm làm việc với các cơ quan liên quan để ưu tiên phân bổ kinh phí sau khi thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thông qua.

Chương V

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 15. Nguyên tắc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Nguyên tắc chung:

a) Việc tuyển chọn, giao trực tiếp phải bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng; kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp phải được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh;

b) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được đánh giá thông qua hoạt động của Hội đồng tư vấn. Việc đánh giá được tiến hành bằng phương thức chấm điểm;

c) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm về việc tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có quyền lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nguyên tắc tuyển chọn:

a) Đáp ứng các nguyên tắc chung quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Tuyển chọn được áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện;

c) Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh ít nhất 20 ngày làm việc để tổ chức và cá nhân tham gia tuyển chọn chuẩn bị hồ sơ đăng ký.

3. Nguyên tắc giao trực tiếp: Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được giao trực tiếp phải đảm bảo các nguyên tắc chung quy định tại khoản 1 Điều này; đồng thời, đáp ứng một trong các trường hợp sau đây:

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất;

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉ có một tổ chức khoa học và công nghệ có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ đó.

Giao trực tiếp được thực hiện bằng hình thức gửi văn bản đến tổ chức, cá nhân được chỉ định để yêu cầu chuẩn bị hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 16. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Các tổ chức có hoạt động phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có con dấu và tài khoản có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trước đây;

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có);

c) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn thành việc đăng ký, nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác có sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ cấp tỉnh phải đáp ứng các yêu cầu:

a) Có trình độ từ đại học trở lên;

b) Có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phù hợp với nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trong 03 năm gần nhất, tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

4. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác;

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có);

c) Có nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian là 02 năm kể từ khi có kết luận của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình làm chủ nhiệm sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 03 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 17. Đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Tổ chức và cá nhân thực hiện đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp

nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Trong thời hạn quy định nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp. Việc thay hồ sơ mới và bổ sung hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định; văn bản bổ sung trong thời hạn nộp hồ sơ theo quy định là bộ phận cấu thành của hồ sơ.

3. Kết thúc thời hạn nộp hồ sơ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp với sự tham dự của đại diện các cơ quan có liên quan, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp (nếu cần).

4. Kết quả mở hồ sơ được ghi thành biên bản, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo cho tổ chức nộp hồ sơ đối với hồ sơ không hợp lệ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc mở hồ sơ và tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đối với hồ sơ hợp lệ.

Điều 18. Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Hội đồng tư vấn để tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Kết quả họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sau khi kết thúc phiên họp. Tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Hội đồng tư vấn và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tiến hành thẩm định kinh phí.

Điều 19. Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (gọi tắt là Tổ thẩm định).

2. Tổ thẩm định có nhiệm vụ đánh giá sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu với kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định: Chi phí công cho các thành viên thực hiện; chi phí thuê chuyên gia

trong/ngoài nước; kinh phí hỗ trợ mua nguyên vật liệu, thiết bị và các khoản chi khác cũng như thời gian cần thiết để thực hiện; kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có), thời gian thực hiện và phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

3. Tổ thẩm định có 05 thành viên, trong đó:

- a) Tổ trưởng Tổ thẩm định là Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ;
- b) 01 thành viên là đại diện Sở Tài chính;
- c) 01 thành viên là đại diện phòng chuyên môn quản lý kinh phí thuộc Sở Khoa học và Công nghệ;
- d) 01 thành viên là đại diện phòng chuyên môn quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ;
- e) 01 thành viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hoặc ủy viên phản biện của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Tùy tính chất của từng loại nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, Tổ trưởng Tổ thẩm định được quyết định mời thêm đại diện các sở, ngành tỉnh có liên quan làm thành viên và khách mời; trưng dụng 01 chuyên viên thuộc Sở Khoa học và Công nghệ làm Thư ký hành chính giúp việc Tổ thẩm định.

4. Tổ thẩm định là đơn vị hợp tan, làm việc kiêm nhiệm và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ, được hưởng chế độ thù lao theo quy định; Tổ trưởng Tổ thẩm định được sử dụng con dấu của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Trà Vinh để giao dịch công tác; kinh phí hoạt động của Tổ thẩm định được cân đối trong nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm được cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Các thành viên Tổ thẩm định chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định.

Điều 20. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định để gửi Sở Khoa học và Công nghệ. Trường hợp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh không hoàn thành việc chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định thì Sở Khoa học và Công nghệ có quyền ngưng thực hiện và hủy kết quả đối với hồ sơ của tổ chức được kiến nghị trúng tuyển hoặc giao trực tiếp.

2. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định và ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có), Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp hồ sơ trình Chủ tịch Ủy

ban nhân dân tỉnh phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Trong thời gian kể từ ngày quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có hiệu lực đến thời điểm ký hợp đồng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có quyền hủy bỏ quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh nếu phát hiện một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

b) Vi phạm các yêu cầu, điều kiện quy định tại Điều 16 Quy định này;

c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước.

Chương VI

KÝ HỢP ĐỒNG, KIỂM TRA VÀ ĐIỀU CHỈNH HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 21. Ký Hợp đồng, kiểm tra, đánh giá thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Định kỳ 06 tháng hoặc theo yêu cầu đột xuất của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh xây dựng báo cáo tiến độ hoặc báo cáo theo nội dung yêu cầu gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành, địa phương có liên quan tổ chức kiểm tra đánh giá 01 lần/năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; nội dung, nguyên tắc, trình tự kiểm tra thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Kinh phí tổ chức kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm được giao dự toán cho Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 22. Điều chỉnh, chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Tổ chức chủ trì được chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí trong tổng kinh phí được giao khoán theo quy định và điều chỉnh, bổ sung cá nhân tham gia nghiên cứu để đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đã được phê duyệt.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định điều chỉnh cá nhân chủ nhiệm, thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và dự toán các khoản kinh phí trong tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã được phê duyệt trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Trường hợp điều chỉnh tăng kinh phí so với tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã được phê duyệt, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến Sở Tài chính trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh.

Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh chỉ được thực hiện 01 lần không quá 12 tháng. Trường hợp đặc biệt vượt quá 12 tháng Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng.

3. Việc điều chỉnh về tên, mục tiêu, nội dung nghiên cứu, sản phẩm, tổ chức chủ trì, Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cơ quan đề xuất đặt hàng trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh.

4. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, điều chỉnh các nội dung khác thuộc phạm vi hợp đồng đã ký trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì.

5. Văn bản quyết định điều chỉnh là một bộ phận của Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã ký.

6. Việc chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Chương IV Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương VII

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 23. Nguyên tắc đánh giá

1. Căn cứ vào đặt hàng nghiên cứu, hợp đồng nghiên cứu khoa học và công nghệ đã ký kết.

2. Căn cứ vào hồ sơ đánh giá, nghiệm thu.

3. Đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công bằng, trung thực và chính xác.

Điều 24. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cho Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 25. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh cho Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Việc nộp hồ sơ thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn hợp đồng (nếu có).

Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 26. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Hội đồng tư vấn và thành lập Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (gọi tắt là Tổ chuyên gia) (nếu có) để tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Tổ chuyên gia được thành lập trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sản phẩm đo kiểm được. Tổ chuyên gia có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm của nhiệm vụ.

3. Tổ chuyên gia có 03 thành viên gồm các thành viên của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch làm Tổ trưởng.

4. Thành viên Tổ chuyên gia có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, thẩm định các sản phẩm khoa học công nghệ (Mẫu sản phẩm, mô hình, bản vẽ thiết kế, báo cáo thử nghiệm, ứng dụng, các văn bản đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm của nhiệm vụ).

b) Khảo sát tại hiện trường, yêu cầu tổ chức đo kiểm các thông số kỹ thuật của sản phẩm (nếu cần thiết).

c) Lập báo cáo thẩm định sản phẩm và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ ít nhất 02 (hai) ngày làm việc trước phiên họp của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

6. Sau khi có kết quả đánh giá, nghiệm thu, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có trách nhiệm hoàn chỉnh các sản phẩm khoa học theo kết luận của Hội đồng tư vấn gửi lại Sở Khoa học và Công nghệ và thực hiện việc đăng ký, lưu giữ kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Điều 27. Xử lý, chế tài đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện không hoàn

thành, trên cơ sở xác định nguyên nhân chủ quan, khách quan Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến các thành viên Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thống nhất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý và chế tài theo quy định tại Điều 16, 17 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có kết quả thực hiện nhiệm vụ bị đánh giá ở mức “Không đạt” hoặc không gửi Hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ về Sở Khoa học và Công nghệ đúng thời gian quy định sẽ bị hạn chế quyền đăng ký xét giao trực tiếp hoặc tuyển chọn nhiệm vụ cấp tỉnh.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ nếu tổ chức chủ trì không đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; vi phạm quy định về hoạt động khoa học và công nghệ sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 6, 7 Nghị định 93/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ.

Điều 28. Thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Trường hợp có quyết định chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc thanh lý hợp đồng theo quy định hiện hành.

3. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thanh lý sau khi tổ chức chủ trì đã thực hiện việc quyết toán, tài sản đã mua sắm bằng ngân sách nhà nước được kiểm kê và bàn giao theo quy định hiện hành và thực hiện đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Chương VIII

ĐĂNG KÝ, LƯU GIỮ, GIAO QUYỀN SỞ HỮU, QUYỀN SỬ DỤNG KẾT QUẢ, XỬ LÝ TÀI SẢN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 29. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Việc đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại Chương III của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 30. Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Phạm vi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện trong phần quyền sở hữu của Nhà nước đối với kết quả nghiên cứu trên cơ sở quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên liên quan.

2. Đối tượng thực hiện giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Đại diện chủ sở hữu nhà nước của kết quả nghiên cứu theo quy định tại Điều 41 Luật khoa học và công nghệ năm 2013;

b) Tổ chức được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

c) Tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ và doanh nghiệp khác;

d) Tác giả hoặc đồng tác giả kết quả nghiên cứu;

đ) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu.

Điều 31. Quản lý, xử lý tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Tài sản được mua sắm, hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước được quản lý, xử lý theo quy định hiện hành.

Chương IX
TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG KẾT QUẢ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 32. Lựa chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai ứng dụng

1. Trong kết quả nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện phải đề xuất phương án đưa kết quả, sản phẩm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh vào hoạt động quản lý, sản xuất và đời sống.

2. Trên cơ sở đề xuất của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và khả năng phát huy giá trị thực tiễn của nhiệm vụ khoa học

và công nghệ cấp tỉnh đó, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương liên quan để thống nhất chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh cần hỗ trợ kinh phí để triển khai ứng dụng rộng rãi vào hoạt động quản lý, sản xuất và đời sống.

Điều 33. Hỗ trợ triển khai ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh vào sản xuất và đời sống

1. Kinh phí hỗ trợ triển khai ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh vào sản xuất và đời sống được phân bổ trong dự toán hàng năm của Sở Khoa học và Công nghệ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Phương thức sử dụng kinh phí triển khai ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh vào quản lý, sản xuất và đời sống được thực hiện theo quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Chương X
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chỉ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Hướng dẫn tổ chức, cá nhân và chủ động đề xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; tổ chức nghiệm thu đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; chuyển giao kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh cho các cơ quan, tổ chức đặt hàng hoặc cho các cơ quan, tổ chức có nhu cầu.

3. Tổ chức thẩm định kinh phí, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan có liên quan tổ chức thu hồi kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh không hoàn thành.

5. Chủ trì quản lý tình hình sử dụng kinh phí và kiểm tra chứng từ đề nghị thanh quyết toán, xác nhận việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, chịu trách nhiệm những vấn đề liên quan kinh phí.

6. Giữ bí mật các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá của Hội đồng tư vấn, lưu giữ hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định.

Điều 35. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hàng năm, trên cơ sở dự toán của các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ, Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh tham mưu phân bổ kinh phí theo kế hoạch được phê duyệt; lồng ghép với các nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ các mục tiêu, các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 36. Trách nhiệm các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Hàng năm, trên cơ sở nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, chủ động đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, giám sát tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn hoặc thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của sở, ban, ngành tỉnh.

3. Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính, phương tiện, cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết cho tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện có kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được giao.

4. Tiếp nhận và chịu trách nhiệm ứng dụng các kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ cấp tỉnh do mình đề xuất đặt hàng sau khi được đánh giá, nghiệm thu; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 37. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo hợp đồng đã ký;

b) Lựa chọn cá nhân thuộc tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ; trường hợp thay đổi Chủ nhiệm nhiệm vụ thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí của Chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định hiện hành;

c) Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh với Sở Khoa học và Công nghệ; ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của

nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

d) Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng về trách nhiệm của bên nhận đặt hàng với Sở Khoa học và Công nghệ.

đ) Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo hợp đồng đã ký.

e) Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ; cấp đủ và đúng tiến độ bố trí kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

g) Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ; tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; kiến nghị các điều chỉnh khi cần để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

h) Đảm bảo các điều kiện cần thiết để chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn thành các bước đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo Quy định này.

i) Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu đúng thời hạn quy định.

k) Không được trao đổi với chuyên gia và tổ chức tư vấn độc lập về các vấn đề có liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

l) Cùng chủ nhiệm nhiệm vụ phối hợp với các bên có liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sau khi nhiệm vụ đã được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

m) Thực hiện đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

n) Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trong trường hợp được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

o) Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.

p) Kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do tổ chức chủ trì

thực hiện được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét khen thưởng và được giao thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác.

2. Trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

a) Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo hợp đồng đã ký.

b) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hóa sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

d) Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo cam kết trong hợp đồng với tổ chức chủ trì và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

đ) Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

e) Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện với tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết khoa học và công nghệ và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký với tổ chức chủ trì.

g) Thực hiện các quy định chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Bảo đảm tính chính xác, độ tin cậy của các thông tin, số liệu trong các sản phẩm khoa học và công nghệ và hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

h) Cùng tổ chức chủ trì nhiệm vụ phối hợp với các bên có liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sau khi được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

i) Không được trao đổi với chuyên gia và tổ chức tư vấn độc lập về các vấn đề có liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Kim Ngọc Thái